

Số: **107/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21 - 9 - 2022

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương và bà Lê Thị Na.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Chiến, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về việc “xin ly hôn và giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 011 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn PL, xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn PL, xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, anh Lê Quang D trình bày: Anh D và chị Nguyễn Thị Đ trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Chương, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 24 tháng 7 năm 2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cùng bố mẹ bên chồng, đến năm 2011 thì làm được nhà và ra ở riêng tại thôn PL, xã Phong Chương, huyện Phong Điền. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng nên chị Đ hay bỏ nhà đi một thời gian rồi lại về. Nhưng đến năm 2021 thì chị Đ đã đưa hai con đi khỏi địa phương và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì anh D chỉ trình bày là do tính tình không hợp nên chị Đ tự ý bỏ đi mà không cho ai biết đi đâu. Do chị Đ bỏ nhà ra đi đến nay đã gần 02 năm không về nhà, không liên lạc và cũng không cho ai biết đi đâu nên anh D yêu đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con, anh D trình bày: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Hòa M, sinh ngày 30/5/2009 và Lê Quang P, sinh ngày 16/5/2013 (hiện ở với mẹ). Anh D yêu cầu được quyền nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, anh D không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Đ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Đ đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án tiến hành xác minh và được Công an xã Phong Chương cung cấp: Chị Nguyễn Thị Đ hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn PL, xã Phong Chương, huyện Phong Điền cùng anh Lê Quang D. Chị Đ đã đi khỏi địa phương nhưng không đăng ký nên không rõ chị Đ đi đâu, làm gì.

Theo ông Lê Quang D là bố của anh D cho biết: Chị Đ đã bỏ nhà đi từ giữa năm 2021 và đưa hai con cùng đi. Lý do chị Đ bỏ đi thì ông D không biết vì không thấy vợ chồng cãi vã nhau hay ồn ào gì cả. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa tại nơi ở của bị đơn, tại trụ sở UBND xã Phong Chương và tại trụ sở Tòa án. Nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục niêm yết cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ; Về con chung, anh D thay đổi yêu cầu, cụ thể: Anh D yêu cầu giao hai con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng vì hai cháu hiện đang ở với chị Đ, mà chị Đ ở đâu thì anh D không biết. Đồng thời anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Về tài sản, nợ chung, anh D không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của anh Lê Quang D là được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ và giao quyền trực tiếp nuôi hai con chung cho chị Nguyễn Thị Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của anh D. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Quang D và chị Nguyễn Thị Đ được UBND xã Phong Chương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, anh D có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, vợ chồng đều có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Chương, huyện Phong Điền nên việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị Đ là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng chị Đ đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho chị Đ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Đ vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho chị Đ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Anh D xin ly hôn vì chị Đ đã bỏ nhà đi nhiều lần, anh D cũng đã đi tìm và đưa chị Đ về để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau đó chị Đ tiếp tục bỏ đi và hơn một năm trở lại đây chị Đ không về nhà và cũng không liên lạc với anh D nữa. Việc anh D khởi kiện xin ly hôn thì chị Đ cũng đã biết nhưng không phản đối mà bỏ mặc.

Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh D và chị Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh D yêu cầu xin được ly hôn với chị Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần được chấp nhận, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

Về con chung, anh D xác nhận: Vợ chồng có 02 con hiện đang ở với mẹ. Tại phiên tòa, anh D đã thay đổi yêu cầu về giao quyền trực tiếp nuôi con, cụ thể: anh D yêu cầu giao cả 2 con cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện

cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét thấy: Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, con đã đủ 7 tuổi muốn giao cho bên nào nuôi phải hỏi nguyện vọng của con, trên cơ sở phải xem xét điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển toàn diện về mọi mặt hay không thì mới giao quyền trực tiếp nuôi con cho bên đó.

Xét hai con chung đã trên 7 tuổi nhưng hai cháu đang ở với chị Đ, nhưng chị Đ không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không đưa các cháu đến trình bày nguyện vọng của mình được. Mặt khác, hai cháu đang ở với chị Đ cũng đã thể hiện nguyện vọng của các cháu. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh D là giao 2 cháu cho chị Đ nuôi dưỡng. Nếu sau này, người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc con có nguyện vọng thay đổi thì vì quyền lợi của con, các đương sự hoặc tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Mặc dù đương sự không có yêu cầu, nhưng anh D đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Xét sự tự nguyện của anh D về cấp dưỡng nuôi 02 con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận ghi vào bản án và anh D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về Tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điều b khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lê Quang D với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ;

2. Về con: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 2 con (hiện đang ở với mẹ) là Lê Thị Hòa M, sinh ngày 30/5/2009 và Lê Quang P, sinh ngày 16/5/2013 kể từ ngày tuyên án cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi 02 con, cụ thể: Anh Lê Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là Lê Thị Hòa M, sinh ngày 30/5/2009 và Lê Quang P, sinh ngày 16/5/2013, mỗi cháu một tháng là 1.000.000.đ (một triệu đồng) kể từ tháng 9/2022 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp anh D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Quang D phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 0001950 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Chương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm